

Bản án số: 33/2021/HS-PT
Ngày 22 - 4 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Thành.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hà;

Bà Lê Thị Bích Nc.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Hiệp, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Văn, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 117/2020/TLPT- HS ngày 08 tháng 10 năm 2020, đối với bị cáo Lê Hồng P và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2020/HS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Hồng P, sinh ngày 27 tháng 9 năm 1991; nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn D, sinh năm 1966 và bà Lê Thị T, sinh năm 1971; có vợ là Trần Thị T, sinh năm 1997 và có 02 con, (con lớn sinh năm 2015 con nhỏ sinh năm 2016); tiền sự, tiền án: Không.

Về nhân T: Tại bản án số 213/2011/HSST ngày 26/10/2011 bị Toà án nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây tH tích và tội “Bắt giữ người trái pháp luật”. Lê Hồng P đã chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 30/5/2013, bị cáo tại ngoại nhưng bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

2. Bị cáo Phạm Văn S, sinh ngày 27 tháng 02 năm 1992; nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn S, sinh năm 1965 và bà Ngô Thị T, sinh năm 1969; vợ con chưa có; tiền sự: Không.

Tiền án: Có 01 tiền án, tại bản án số 10/2015/HSST ngày 10/02/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội xử phạt 26 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (Đã chấp hành xong án phạt tù ngày 04/6/2016); Bị cáo tại ngoại nhưng bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

3. Bị cáo Lê Hồng T, sinh ngày 08 tháng 12 năm 1993; nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn D, sinh năm 1966 và bà Lê Thị T, sinh năm 1971; vợ con chưa có; tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo tại ngoại nhưng bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

4. Bị cáo Phạm Quang H, sinh ngày 13 tháng 4 năm 1992; nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H, sinh năm 1960 và bà Hà Thị K, sinh năm 1964; có vợ là Giang Thị H, sinh năm 1995 và có 02 con, (con lớn sinh năm 2016 con nhỏ sinh năm 2018); tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo tại ngoại nhưng bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- *Người bào chữa cho các bị cáo Lê Hồng P, Lê Hồng T, Phạm Văn S và Phạm Quang H:* Bà Đặng Thị D, Luật sư Công ty Luật TNHH Đ, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Số 8 ngõ 42 Vũ Nc Phan, phường L, quận B, thành phố Hà Nội.

- *Viện kiểm sát không kháng nghị.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2016 Lê Hồng P trú tại Thôn Đ, xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội đứng ra thành lập Công ty TNHH đầu tư VP Phúc Thịnh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên số 2500563653, đăng ký lần đầu ngày 25/3/2016 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp. Công ty có trụ sở tại thôn PH Viên thị trấn T, huyện Vĩnh Tường Công ty có mã số thuế là 2500222452 và kê khai nộp thuế tại Chi cục thuế huyện V theo pH thức tự kê khai khấu trừ thuế. Hoạt động chính của Công ty là mua bán ô tô, xe máy; cho thuê ô tô, xe máy tự lái nhưng bản chất chính là cầm đồ và cho vay tiền lãi suất cao. Để phục vụ hoạt động cầm đồ và cho vay tiền lãi suất cao, P có thuê Lê Hồng T (em trai) trú tại Thôn Đ, xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội từ tháng 07/2016 đến khi bị kiểm tra; Phạm Văn S (bạn P) trú tại Thôn Đ, xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội từ tháng 01/2017 đến khi bị kiểm tra; Phạm Quang H (bạn P)

trú tại Thôn Đ, xã N, huyện Đ thành phố Hà Nội từ tháng 3/2017 đến khi bị kiểm tra để giúp P các công việc trong hoạt động cho vay tiền và thu tiền lãi; Ngô Anh Đ (bạn P) trú tại Thôn Đ, xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội từ tháng 11/2018 đến khi bị kiểm tra làm công việc trông coi, nấu ăn tại Công ty. Toàn bộ hoạt động cho vay tiền do P trực tiếp điều hành, theo dõi, quản lý và ghi chép sổ sách, quản lý tiền, giấy tờ, sổ sách cá nhân, không kê khai Q toán vào hệ thống sổ sách của Công ty. P chỉ đạo T, S, H đối chiếu sổ sách theo dõi khách vay tiền (tên, địa chỉ, số điện thoại, số tiền vay, ngày vay, lãi suất) để gọi điện yêu cầu khách vay tiền trả tiền lãi theo đúng thời gian, khi khách vay tiền đến trả lãi thì ghi chép vào sổ sách, thu tiền lãi rồi chuyển lại cho P quản lý.

Quá trình cho khách vay tiền để thu lãi suất cao P, T, H, S thực hiện theo hình thức sau: Khi có khách đến vay tiền thì P hoặc T, S, H sẽ yêu cầu khách vay tiền cho xem xe ô tô hoặc xe mô tô và xuất trình giấy tờ liên quan đến chiếc xe ô tô, xe mô tô để làm cơ sở cho vay tiền, lãi suất thỏa thuận giữa P và khách vay từ 4.000đ/1.000.000đ/1ngày đến 6.000đ/1.000.000đ/1ngày (tương đương với lãi suất từ 146%/1 năm đến 219%/1 năm). Sau đó P và nhân viên yêu cầu khách vay tiền viết giấy tờ mua bán xe theo mẫu của Công ty với nội dung khách vay tiền bán xe cho Công ty tương ứng với số tiền mà khách vay. Nếu khách vay tiền muốn lấy lại chiếc xe của mình để làm pH tiện đi lại thì P hoặc T, S, H sẽ tiếp tục hướng dẫn cho khách vay tiền viết giấy tờ cho thuê ô tô, xe mô tô tự lái theo mẫu đã soạn sẵn của Công ty (khách vay sẽ thuê lại chính chiếc xe của mình). Ngoài ra, có những khách vay còn phải để lại chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân, sổ hộ khẩu, giấy đăng ký kết hôn. Đối với mỗi một T hợp khách đến Công ty vay tiền sau khi hoàn thiện các thủ tục, giấy tờ xong thì P cho toàn bộ giấy tờ của từng khách vay vào từng một P bì trắng, mặt sau của P bì sẽ ghi thông tin người vay (tên khách vay, ngày vay, số tiền vay, lãi suất, biển kiểm soát xe ô tô hoặc xe mô tô và các giấy tờ có liên quan). Sau đó, P ghi chép thông tin khách vay tiền vào một quyển sổ mà P chuẩn bị từ trước ngoài bìa ghi “Nhật ký khách vay”, bên trong sổ được chia thành các cột ghi số tiền khách vay, lãi suất, ngày tháng khách vay, phía dưới khách vay tiền sẽ tự viết họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân, số điện thoại, địa chỉ, biển số xe và các giấy tờ để lại. Sau khi hoàn thiện xong các thủ tục, giấy tờ P sẽ cho khách vay tiền và thu trước tiền lãi 10 hoặc 20 ngày tùy vào từng T hợp vay tiền. Việc theo dõi khách vay tiền trả lãi được P, T, H và S ghi chép vào 01 quyển sổ “Giáo án” bên ngoài bìa P ghi chữ “Đóng lãi”. Hàng ngày, P giao cho nhân viên kiểm tra khách vay tiền chuẩn bị đến ngày đóng tiền lãi rồi sao chép sang 01 quyển sổ khác, bên ngoài sổ in chữ “SỔ GIÁO ÁN” và được P ghi chữ “Gọi lãi”.

Ngày 19/12/2018 đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra các cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ, tư vấn tài chính, hỗ trợ tài chính, cho vay trả góp, cho thuê xe của UBND huyện V thành lập theo Q định số 6540/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 đã tiến hành kiểm tra Công ty TNHH đầu tư VP Phúc Thịnh (viết tắt là Công ty Phúc Thịnh). Tại thời điểm kiểm tra đại diện Công ty là Lê Hồng T không xuất trình được giấy đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Quá trình kiểm tra Lê Hồng T đã tự nguyện giao nộp 05 quyển sổ ghi chép gồm: 01 quyển sổ ngoài bìa ghi “Nhật ký khách vay”, 01 quyển sổ ngoài bìa ghi “Đóng lãi”, 01 quyển sổ ngoài bìa ghi “Gọi lãi”, 01 quyển sổ ngoài bìa ghi “Ghi chép”, 01 quyển sổ ngoài bìa ghi “Nhật ký” và 27 P bì thư, bên trong có các giấy tờ mua bán xe, hợp đồng cho thuê ô tô, xe máy, chứng minh nhân dân, giấy đăng ký xe, sổ hộ khẩu, giấy đăng ký kết hôn liên quan đến hoạt động cho vay tiền của Công ty Phúc Thịnh, tại mỗi trang đều có chữ ký của Lê Hồng T. Việc thu giữ được lập thành biên bản và chuyển cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường xử lý theo quy định của pháp luật.

Bảng pH thức cho khách vay tiền với lãi suất cao nêu trên trong năm 2018, P đã cho 16 khách vay tiền với lãi suất cao và thu lợi bất chính như sau:

1. Ngày 04/02/2018 Lê Hồng P đã cho anh Nguyễn Đăng K trú tại thôn B thị trấn T vay 40.000.000đ với mức lãi suất là 4.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Đối chiếu sổ sách theo dõi hoạt động cho vay lãi nặng của P thì tổng số tiền lãi mà anh K đã trả là 51.200.000đ tương ứng với 320 ngày vay. Số tiền lãi P được phép thu theo quy định của pháp luật (20%/năm) là 7.013.699đ, như vậy số tiền lãi P thu lợi bất chính khi cho anh K vay là 44.186.301đ, đến nay anh K chưa trả số tiền gốc vay 40.000.000đ cho P. Khi vay tiền anh K để lại 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 88L1- 417.29 (bản chính).

2. Ngày 25/3/2018 Lê Hồng P đã cho anh Nguyễn Văn Q trú tại Thôn Đồng Phú, xã T vay 20.000.000đ với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Đối chiếu sổ sách theo dõi hoạt động cho vay lãi nặng của P thì tổng số tiền lãi mà anh Q đã trả là 27.000.000đ tương ứng với 270 ngày vay. Số tiền lãi P được phép thu theo quy định của pháp luật (20%/năm) là 2.958.904đ, như vậy số tiền lãi P thu lợi bất chính khi cho anh Q vay là 24.041.096đ, đến nay anh Q chưa trả số tiền gốc vay 20.000.000đ cho P. Khi vay tiền anh Q để lại 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 88L1-209.79 (bản chính), 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn Q (bản phô tô).

3. Ngày 10/7/2018 Lê Hồng P đã cho anh Tạ Thái S trú tại thôn L, xã L, Tam Dương vay 10.000.000đ với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Đối chiếu sổ sách theo dõi hoạt động cho vay lãi nặng của P thì tổng số tiền lãi mà anh S đã trả là 8.000.000đ tương ứng với 160 ngày vay. Số tiền lãi P được phép thu

theo quy định của pháp luật (20%/năm) là 876.712đ, như vậy số tiền lãi P thu lợi bất chính khi cho anh S vay là 7.123.288đ, đến nay anh S chưa trả số tiền gốc vay 10.000.000đ cho P. Khi vay tiền anh S để lại 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 88K1 - 227.78 (bản chính), 01 chứng minh nhân dân mang tên Tạ Thái S (bản phô tô).

4. Ngày 17/8/2018 Lê Hồng P đã cho anh Ngô Văn C trú tại thôn Đ, xã Y vay 10.000.000đ với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Đối chiếu sổ sách theo dõi hoạt động cho vay lãi nặng của P thì tổng số tiền lãi mà anh C đã trả là 7.500.000đ tương ứng với 150 ngày vay. Số tiền lãi P được phép thu theo quy định của pháp luật (20%/năm) là 821.918đ, như vậy số tiền lãi P thu lợi bất chính khi cho anh C vay là 6.678.082đ. Khi vay tiền anh C để lại 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 88L1 - 219.47 (bản chính), 01 chứng minh nhân dân mang tên Ngô Văn C (bản chính). Quá trình điều tra anh C tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 10.000.000đ là tiền gốc vay của Lê Hồng P.

5. Ngày 16/9/2018 Lê Hồng P đã cho anh Lê Quang C trú tại thôn 5, xã Đ vay 10.000.000đ với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Đối chiếu sổ sách theo dõi hoạt động cho vay lãi nặng của P thì tổng số tiền lãi mà anh C đã trả là 5.000.000đ, tương ứng với 100 ngày vay. Số tiền lãi P được phép thu theo quy định của pháp luật (20%/năm) là 547.945đ, như vậy số tiền lãi P thu lợi bất chính khi cho anh C vay là 4.452.055đ, đến nay anh C chưa trả số tiền gốc vay 10.000.000đ cho P. Ngày 15/11/2018, anh C tiếp tục vay của P 3.000.000đ với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Đối chiếu sổ sách theo dõi hoạt động cho vay lãi nặng của P thì tổng số tiền lãi mà anh C đã trả là 600.000đ tương ứng với 40 ngày vay. Số tiền lãi P được phép thu theo quy định của pháp luật (20%/năm) là 65.753đ, như vậy số tiền lãi P thu lợi bất chính khi cho anh C vay là 534.247đ, đến nay anh C chưa trả số tiền gốc vay 3.000.000đ cho P. Khi vay tiền anh C để lại 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 36G1-160.28 (bản chính), 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị H (bản chính), 01 sổ hộ khẩu chủ hộ là Bùi Thị N cấp ngày 26/01/2015 (bản chính).

6. Ngày 22/7/2018 Lê Hồng P đã cho anh Bùi Văn H trú tại thôn M, xã T vay 4.000.000đ với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Đối chiếu sổ sách theo dõi hoạt động cho vay lãi nặng của P thì tổng số tiền lãi mà anh H đã trả là 600.000đ tương ứng với 30 ngày vay. Số tiền lãi P được phép thu theo quy định của pháp luật (20%/năm) là 65.753đ, như vậy số tiền lãi P thu lợi bất chính khi cho anh H vay là 534.247đ, ngày 21/8/2018 anh H đã trả đủ số tiền gốc vay là 4.000.000đ cho P. Ngày 21/8/2018, anh H tiếp tục vay của P 8.000.000đ với mức lãi suất là 6.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Đối chiếu sổ sách theo dõi hoạt động cho vay lãi nặng của P thì tổng số tiền lãi mà anh H đã trả là 2.400.000đ tương ứng với

50 ngày vay. Số tiền lãi P được phép thu theo quy định của pháp luật (20%/năm) là 219.178đ, như vậy số tiền lãi P thu lợi bất chính khi cho anh H vay là 2.180.822đ, ngày 19/10/2018 anh H đã trả đủ số tiền gốc vay là 8.000.000đ cho P. Ngày 19/10/2018, anh H tiếp tục vay của P số tiền 4.000.000đ với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Đối chiếu sổ sách theo dõi hoạt động cho vay lãi nặng của P thì tổng số tiền lãi mà anh H đã trả là 1.000.000đ, tương ứng với 50 ngày vay. Số tiền lãi P được phép thu theo quy định của pháp luật (20%/năm) là 109.589đ, như vậy số tiền lãi P thu lợi bất chính khi cho anh H vay là 890.411đ, đến nay anh H chưa trả số tiền gốc vay 4.000.000đ cho P. Khi vay tiền anh Bùi Văn H để lại 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 88L1-129.85 (bản chính), 01 quyền sở hữu khẩu chủ hộ là Bùi Văn H (bản chính).

7. Ngày 06/11/2018 Lê Hồng P đã cho anh Bùi Mạnh C trú tại thôn Hà Trì, xã Bình Dương vay 5.000.000đ với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Đối chiếu sổ sách theo dõi hoạt động cho vay lãi nặng của P thì tổng số tiền lãi mà anh C đã trả là 1.250.000đ tương ứng với 50 ngày vay. Số tiền lãi P được phép thu theo quy định của pháp luật (20%/năm) là 136.986đ, như vậy số tiền lãi P thu lợi bất chính khi cho anh C vay là 1.113.014đ. Khi vay tiền anh C để lại 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS: 88L1-312.65 (bản chính), 01 căn cước công dân mang tên Bùi Mạnh C (bản chính). Quá trình điều tra anh C tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 5.000.000đ là tiền gốc vay của Lê Hồng P.

8. Ngày 27/9/2018 Lê Hồng P đã cho anh Kim T L trú tại đội 6, xã Thượng Trung vay 5.000.000đ với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Đối chiếu sổ sách theo dõi hoạt động cho vay lãi nặng của P thì tổng số tiền lãi mà anh L đã trả là 1.000.000đ tương ứng với 40 ngày vay. Số tiền lãi P được phép thu theo quy định của pháp luật (20%/năm) là 109.589đ, như vậy số tiền lãi P thu lợi bất chính khi cho anh L vay là 890.411đ, ngày 05/11/2018 anh L đã trả đủ số tiền gốc vay là 5.000.000đ cho P. Ngày 21/11/2018 anh L tiếp tục vay của P 15.000.000đ với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Đối chiếu sổ sách theo dõi hoạt động cho vay lãi nặng của P thì tổng số tiền lãi mà anh L đã trả là 2.250.000đ tương ứng với 30 ngày vay. Số tiền lãi P được phép thu theo quy định của pháp luật (20%/năm) là 246.575đ, như vậy số tiền lãi P thu lợi bất chính khi cho anh L vay là 2.003.425đ, đến nay anh L chưa trả số tiền gốc vay 15.000.000đ cho P. Khi vay tiền anh L để lại 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS: 88H6-6912 (bản chính), 01 giấy phép lái xe mang tên Kim T L (bản chính), 01 thẻ Đảng viên mang tên Kim T L (bản chính).

9. Ngày 05/12/2018 Lê Hồng P đã cho anh Lê Thế Q trú tại thôn Sen, xã Nghĩa Hưng vay 15.000.000đ với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Đối chiếu sổ sách theo dõi hoạt động cho vay lãi nặng của P thì tổng số tiền lãi mà anh

Q đã trả là 1.500.000đ tương ứng với 20 ngày vay. Số tiền lãi P được phép thu theo quy định của pháp luật (20%/năm) là 164.384đ, như vậy số tiền lãi P thu lợi bất chính khi cho anh Q vay là 1.335.616đ, đến nay anh Q chưa trả số tiền gốc vay 15.000.000đ cho P. Khi vay tiền anh Q để lại 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS: 88L1-151.99 (bản chính).

10. Ngày 07/12/2018 Lê Hồng P đã cho anh Phan Văn N trú tại thôn Khoát, xã Chấn Hưng vay 10.000.000đ với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Đối chiếu sổ sách theo dõi hoạt động cho vay lãi nặng của P thì tổng số tiền lãi mà anh N đã trả là 1.000.000đ tương ứng với 20 ngày vay. Số tiền lãi P được phép thu theo quy định của pháp luật (20%/năm) là 109.589đ, như vậy số tiền lãi P thu lợi bất chính khi cho anh N vay là 890.411đ, đến nay anh N chưa trả số tiền gốc vay 10.000.000đ cho P. Khi vay tiền anh N để lại 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 88L1-332.26 (bản chính), 01 giấy phép lái xe mang tên Phan Văn N (bản chính).

11. Ngày 23/01/2017 Lê Hồng P đã cho anh Đường Văn T trú tại Thôn Nam, xã Lũng Hòa vay 10.000.000đ với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Đối chiếu sổ sách theo dõi hoạt động cho vay lãi nặng của P thì tổng số tiền lãi mà anh T đã trả kể từ ngày 01/01/2018 là 13.500.000đ tương ứng với 270 ngày vay. Số tiền lãi P được phép thu theo quy định của pháp luật (20%/năm) là 1.479.452đ, như vậy số tiền lãi P thu lợi bất chính khi cho anh T vay là 12.020.548đ. Ngoài ra còn xác định được số tiền lãi mà anh T đã trả cho P trong năm 2017 là 16.500.000đ. Khi vay tiền anh T để lại 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS: 88L1-290.86 (bản chính), 01 chứng minh nhân dân mang tên Đường Văn T (bản chính), 01 quyền sở hộ khẩu chủ hộ là Đường Văn T (bản chính). Quá trình điều tra anh T tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 10.000.000đ là tiền gốc vay của Lê Hồng P.

12. Ngày 27/3/2017 Lê Hồng P đã cho anh Nguyễn Anh D trú tại Thôn Gia Viễn, xã Định Trung, thành phố Vĩnh Yên vay 20.000.000đ với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Đối chiếu sổ sách theo dõi hoạt động cho vay lãi nặng của P thì tổng số tiền lãi mà anh D đã trả kể từ ngày 01/01/2018 là 18.000.000đ tương ứng với 180 ngày vay. Số tiền lãi P được phép thu theo quy định của pháp luật (20%/năm) là 1.972.603đ, như vậy số tiền lãi P thu lợi bất chính khi cho anh D vay là 16.027.397đ, đến nay anh D chưa trả số tiền gốc vay 20.000.000đ cho P. Ngoài ra còn xác định được số tiền lãi mà anh D đã trả cho P trong năm 2017 là 27.900.000đ. Khi vay tiền anh D để lại 01 đăng ký xe mô tô BKS 88B1-000.54 (bản chính), 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Anh D (bản chính), 01 thẻ Đảng viên mang tên Nguyễn Anh D (bản chính).

13. Ngày 14/9/2017 Lê Hồng P đã cho anh Nguyễn Quang T trú tại khu 2 thị trấn Tứ Trung vay 10.000.000đ với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Đối chiếu sổ sách theo dõi hoạt động cho vay lãi nặng của P thì tổng số tiền lãi mà anh T đã trả kể từ ngày 01/01/2018 là 16.400.000đ tương ứng với 328 ngày vay. Số tiền lãi P được phép thu theo quy định của pháp luật (20%/năm) là 1.797.260đ, như vậy số tiền lãi P thu lợi bất chính khi cho anh T vay là 14.602.740đ, đến nay anh T chưa trả số tiền gốc vay 10.000.000đ cho P. Ngoài ra còn xác định được số tiền lãi mà anh T đã trả cho P trong năm 2017 là 5.400.000đ. Khi vay tiền anh T để lại 01 đăng ký xe mô tô BKS 88S6-6995 (bản chính), 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Quang T (phô tô), 01 quyền sở hộ khẩu chủ hộ là Nguyễn Quang T (bản chính).

14. Ngày 22/10/2017 Lê Hồng P đã cho anh Bùi Văn T trú tại thôn 3, xã Đại Đồng vay số tiền 8.000.000đ với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Đối chiếu sổ sách theo dõi hoạt động cho vay lãi nặng của P thì tổng số tiền lãi mà anh T đã trả kể từ 01/01/2018 là 13.960.000đ tương ứng với 349 ngày vay. Số tiền lãi P được phép thu theo quy định của pháp luật (20%/năm) là 1.529.863đ, như vậy số tiền lãi P thu lợi bất chính khi cho anh T vay là 12.430.137đ, đến nay anh T chưa trả số tiền gốc vay 8.000.000đ cho P. Ngoài ra còn xác định được số tiền lãi mà anh T đã trả cho P trong năm 2017 là 2.840.000đ. Khi vay tiền anh T để lại 01 đăng ký xe mô tô BKS 88L1-038.55 (bản chính), 01 chứng minh nhân dân mang tên Bùi Văn T (bản chính).

15. Ngày 26/11/2017 Lê Hồng P đã cho anh Hà Huy H trú tại thôn Vân Hà, xã Lý Nhân vay 10.000.000đ với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Đối chiếu sổ sách theo dõi hoạt động cho vay lãi nặng của P thì tổng số tiền lãi mà anh H đã trả kể từ ngày 01/01/2018 là 17.650.000đ tương ứng với 353 ngày vay. Số tiền lãi P được phép thu theo quy định của pháp luật (20%/năm) là 1.934.247đ, như vậy số tiền lãi P thu lợi bất chính khi cho anh H vay là 15.715.753đ, đến nay anh H chưa trả số tiền gốc vay 10.000.000đ cho P. Ngoài ra còn xác định được số tiền lãi mà anh H đã trả cho P trong năm 2017 là 1.850.000đ. Khi vay tiền anh H để lại 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS: 88L1-226.12 (bản chính), 01 chứng minh nhân dân mang tên Hà Huy H (bản chính), 01 quyền sở hộ khẩu chủ hộ là Hà Huy H (bản chính), 01 giấy chứng nhận kết hôn của Hà Huy H (bản chính).

16. Ngày 29/10/2016 Lê Hồng P đã cho chị Nguyễn Thị Thu H trú tại thôn P Doanh, xã Bình Dương vay 30.000.000đ với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Đối chiếu sổ sách theo dõi hoạt động cho vay lãi nặng của P thì tổng số tiền lãi mà chị H đã trả kể từ ngày 01/01/2018 là 51.000.000đ tương ứng với 340 ngày vay. Số tiền lãi P được phép thu theo quy định của pháp

lượt (20%/năm) là 5.589.041đ, như vậy số tiền lãi P thu lợi bất chính khi cho chị H vay là 45.410.959đ, đến nay chị H chưa trả số tiền gốc vay 30.000.000đ cho P. Ngoài ra còn xác định được số tiền lãi mà chị H đã trả cho P trong năm 2016, 2017 là 64.200.000đ. Khi vay tiền chị H để lại 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 88L1-275.29 (bản chính), 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Thu H (bản phô tô), 01 quyển sổ hộ khẩu (bản phô tô).

Với việc Lê Hồng P cho 16 khách vay tiền nêu trên thì tổng số tiền gốc P cho vay là 247.000.000đ, số tiền lãi P thu được theo thỏa thuận kể từ ngày 01/01/2018 là 240.810.000đ, số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức lãi suất 20%/năm kể từ ngày 01/01/2018 là 27.749.041đ. Như vậy tổng số tiền lãi thu lợi bất chính kể từ ngày 01/01/2018 đến ngày 19/12/2018 P thu được là 213.060.959đ. Ngoài ra năm 2016, 2017 P còn thu được 118.690.000đ tiền lãi theo thỏa thuận của anh T, anh D, anh T, anh T, anh H và chị H như đã nêu trên. Quá trình điều tra P tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 19.000.000đ là tiền P có được từ việc cho vay lãi nặng.

Ngày 19/12/2018 quá trình kiểm tra còn thu giữ 10 P bì thư gồm: Một P bì thư thể hiện Lưu Thị Thanh H sinh năm 1983, trú tại thôn H Tân, xã Kim Xá, huyện Vĩnh Tường vay số tiền 6.000.000đ ngày 22/01/2017, P bì có 01 đăng ký xe mô tô BKS 88L1- 031.19 mang tên Lưu Thị Thanh H (bản chính). Năm P bì thư thể hiện Lê Thị T sinh năm 1973, trú tại thị trấn T, huyện Vĩnh Tường ngày 19/5/2016 vay số tiền 10.000.000đ, ngày 7/12/2016 vay số tiền 20.000.000đ, ngày 29/11/2016 vay số tiền 10.000.000đ, ngày 17/3/2017 vay số tiền 100.000.000đ và ngày 23/5/2017 vay số tiền 20.000.000đ.

Một P bì thư thể hiện Ngô Tiến D sinh năm 1985 trú tại xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội vay số tiền 5.000.000đ ngày 11/4/2017. Một P bì thư thể hiện Phạm Văn T sinh năm 1990 trú tại Thôn Đ, xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội vay số tiền 5.000.000đ ngày 18/5/2017, P bì có 01 đăng ký xe mô tô BKS: 30P2-1741 mang tên Phạm Văn T (bản chính). Một P bì thư thể hiện Phan Văn Nam sinh năm 1975 trú tại thị trấn T, huyện Vĩnh Tường vay số tiền 100.000.000đ ngày 10/9/2016, P bì có 01 đăng ký xe mô tô BKS 88S7-8807 mang tên Phan Văn Nam (bản chính), 01 chứng minh nhân dân mang tên Phan Văn N (bản phô tô), 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS: 88C-084.64 mang tên Phan Văn N (bản phô tô). Một P bì thư thể hiện Phạm Xuân T (không thông tin về năm sinh, địa chỉ) vay số tiền 15.000.000đ ngày 28/4/2017.

Đối với các T hợp thể hiện người vay tiền là Lưu Thị Thanh H, Lê Thị T, Ngô Tiến D, Phạm Văn T, Phan Văn B và Phạm Xuân T đã nêu trên. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường đã nhiều lần triệu tập những người này nhưng vắng mặt tại địa phương nên không làm việc được. Bản thân P khai

nhận, đối với những hợp đồng trên thì P tự ghi không hợp đồng vay, lãi vay nhằm mục đích làm T, S và H tin tưởng P có nhiều khách hàng vay để T, S và Huy tiếp tục làm việc cho P. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường chưa có căn cứ để xem xét xử lý nên tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Theo sổ sách đã thu giữ xác định được trong năm 2015, 2016, 2017 và 2018, Lê Hồng P đã cho nhiều người khác vay tiền với lãi suất cao. Tuy nhiên, quá trình điều tra Cơ quan điều tra chưa xác minh được nhân T, lai lịch của những người này cũng không có các giấy tờ liên quan đến việc cho vay, bản T P, T, Huy, S cũng không nhớ họ là ai. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường chưa có căn cứ để xem xét xử lý nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đồng thời Lê Hồng P khai nhận: Trong năm 2016 và 2017, P đã cho nhiều người khác vay tiền với lãi suất cao. Tuy nhiên đến nay P không nhớ đã cho những ai vay, cụ thể vay bao nhiêu tiền và thu được lãi là bao nhiêu, sổ sách, hợp đồng vay trong thời gian này thì P đã tiêu hủy nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường không có căn cứ để xử lý.

Ngày 20/6/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường đã ra Q định trưng cầu giám định số 355 ngày 20/6/2019 đến Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc để giám định tư pháp về thuế của Công ty TNHH đầu tư VP Phúc Thịnh.

Tại bản kết luận giám định về việc chấp hành nghĩa vụ thuế với Nhà nước đối với Công ty TNHH đầu tư VP Phúc Thịnh ngày 26/9/2019 của Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: "Về hành vi cho vay lãi suất cao của Công ty TNHH đầu tư VP Phúc Thịnh: Việc xác định hoạt động cho vay của Công ty TNHH đầu tư VP Phúc Thịnh có thuộc hành vi cho vay lãi suất cao, cho vay nặng lãi không thuộc chuyên môn của các giám định viên tư pháp trong lĩnh vực thuế. Các giám định viên không có ý kiến giám định nội dung này.

Về chính sách thuế đối với Công ty TNHH đầu tư VP Phúc Thịnh đã thu tổng số tiền lãi thực tế của 16 người vay tiền là 240.810.000 đồng.

Về thuế GTGT: Tại điểm b Khoản 8 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế GTGT quy định đối tượng không chịu thuế GTGT: "b) Hoạt động cho vay riêng lẻ, không phải hoạt động kinh doanh, cung ứng thường xuyên của người nộp thuế không phải là tổ chức tín dụng".

Căn cứ quy định nêu trên Công ty TNHH đầu tư VP Phúc Thịnh không phải là tổ chức tín dụng, có thực hiện hoạt động cho các cá nhân khác vay tiền và nhận

được khoản lãi tiền vay thì khoản lãi tiền vay này thuộc T hợp không chịu thuế GTGT.

Công ty TNHH đầu tư VP Phúc Thịnh đã thu tổng số tiền lãi thực tế của 16 người vay tiền của Công ty là 240.810.000 đồng thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, không phát sinh số thuế GTGT phải nộp.

Về thuế TNDN: Công ty TNHH đầu tư VP Phúc Thịnh thực hiện kê khai, tính thuế theo T hợp xác định được doanh thu chi phí, thu nhập của hoạt động kinh doanh (không đăng ký áp dụng T hợp kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo tỉ lệ % trên doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ).

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Vĩnh Tường xác định tổng số tiền lãi vay TNHH đầu tư VP Phúc Thịnh thu được là 240.810.000 đồng. Tuy nhiên quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩnh Tường không xác định được số tiền chi phí Công ty TNHH đầu tư VP Phúc Thịnh đã chi ra để thực hiện hoạt động cho vay trong thời gian thu được số tiền lãi vay nêu trên.

Vì vậy, Giám định viên tư pháp không đủ căn cứ để xác định thu nhập chịu thuế TNDN của hoạt động cho vay và không có đủ căn cứ để xác định số thuế TNDN phải nộp tương ứng với số tiền lãi vay thu được 240.810.000 đồng của Công ty TNHH đầu tư VP Phúc Thịnh, mã số thuế 2500563653.

Về việc xác định kê khai thuế, nộp thuế, số thuế phải nộp của Công ty TNHH đầu tư VP Phúc Thịnh, về thuế môn bài, lệ phí môn bài:

Căn cứ vào các quy định thuế môn bài, lệ phí môn bài và nội dung nêu trên, Công ty TNHH đầu tư VP Phúc Thịnh có số thuế môn bài, lệ phí môn bài phải nộp kỳ kê khai từ tháng 03/2016 đến tháng 12/2018 với tổng số tiền là 5.000.000 đồng; Công ty TNHH đầu tư VP Phúc Thịnh đã thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước tiền thuế môn bài, lệ phí môn bài với số tiền là 5.000.000 đồng.

Tính đến thời điểm giám định, Công ty TNHH đầu tư VP Phúc Thịnh đã nộp đúng và đầy đủ thuế môn bài, lệ phí môn bài.

Về thuế GTGT: Theo tờ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế (Chi cục thuế huyện Vĩnh Tường), kỳ kê khai từ tháng 03/2016 đến tháng 12/2018: Công ty TNHH đầu tư VP Phúc Thịnh thực hiện việc kê khai thuế GTGT theo bằng pH pháp tính thuế trực tiếp trên doanh thu; kê khai không phát sinh doanh thu, tương ứng không phát sinh số thuế GTGT phải nộp.

Đối với số tiền lãi vay Công ty TNHH đầu tư VP Phúc Thịnh thu được là 240.810.000 đồng nêu trên thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, không phát sinh số thuế GTGT phải nộp.

Tính đến thời điểm giám định, theo hồ sơ khai thuế từ kỳ kê khai tháng 03/2016 đến tháng 12/2018 và kết quả điều tra của Cơ quan CSĐT Công an huyện

Vĩnh Tường, Công ty TNHH đầu tư VP Phúc Thịnh không phát sinh số thuế GTGT phải nộp.

Về thuế TNDN: Theo hồ sơ khai Q toán thuế TNDN đã nộp cho cơ quan thuế (Chi cục thuế huyện Vĩnh Tường), kỳ kê khai từ tháng 30/2016 đến tháng 12/2017 (năm 2018 Công ty TNHH đầu tư VP Phúc Thịnh không nộp hồ sơ khai Q toán thuế TNDN): Công ty TNHH đầu tư VP Phúc Thịnh kê khai không phát sinh thu nhập chịu thuế TNDN, tương ứng không phát sinh số thuế TNDN phải nộp.

Đối với hoạt động cho vay theo kết quả điều tra của Cơ quan CSĐT - Công an huyện Vĩnh Tường, tại thời điểm giám định không có đủ căn cứ xác định thu nhập chịu thuế TNDN của hoạt động cho vay, các giám định viên không có đủ căn cứ xác định số thuế TNDN phải nộp tương ứng với số tiền lãi vay thu được 240.810.000 đồng của Công ty TNHH đầu tư VP Phúc Thịnh, mã số thuế 2500563653.

Hành vi Công ty TNHH đầu tư VP Phúc Thịnh không thực hiện kê khai, Q toán thuế đối với số tiền lãi cho vay đã thu được căn cứ khoản 1, 2 Điều 108 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 có quy định xử phạt đối với hành vi trốn thuế, gian lận thuế, T hợp Công ty TNHH đầu tư VP Phúc Thịnh không nộp hồ sơ khai thuế, không ghi chép trong sổ kế toán; không kê khai với cơ quan thuế đối với khoản tiền lãi cho vay đã thu được trong thời kỳ từ tháng 03/2016 đến tháng 12/2018 thuộc T hợp trốn thuế, gian lận thuế.

Tuy nhiên về GTGT: Khoản tiền lãi cho vay không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, Công ty TNHH đầu tư VP Phúc Thịnh không phát sinh thuế GTGT phải nộp; nên không phát sinh số thuế GTGT trốn thuế, gian lận thuế.

Về thuế TNDN: Giám định viên không có đủ căn cứ để xác định số thuế TNDN tương ứng hành vi vi phạm về thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty TNHH đầu tư VP Phúc Thịnh, nên không xác định được số thuế TNDN trốn thuế, gian lận thuế."

Ngày 02/10/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường đã ra Q định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Lê Hồng P, Lê Hồng T, Phạm Quang H và Phạm Văn S. Ngày 26/11/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường ra Q định truy nã đối với Lê Hồng P, Lê Hồng T, Phạm Quang H và Phạm Văn S. Ngày 11/12/2019 Lê Hồng P ra đầu thú tại Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Vĩnh Tường, còn Phạm Quang H, Phạm Văn S ra đầu thú tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc. Ngày 15/12/2019 Lê Hồng T ra đầu thú tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường.

Trong quá trình điều tra Lê Hồng P, Lê Hồng T, Phạm Quang H và Phạm Văn S khai nhận: P là người chủ mưu, cầm đầu, điều hành, chỉ đạo toàn bộ hoạt động cho vay, thỏa thuận mức lãi suất cho vay, quản lý tiền gốc và tiền lãi, quản lý sổ sách, các giấy tờ hợp đồng liên quan đến việc Công ty cho khách hàng vay tiền; T, Huy và S được P thuê với công việc là cùng P kiểm tra giấy tờ của người vay, kiểm tra tài sản của người vay, ghi chép sổ sách, đối chiếu sổ sách theo dõi khách vay tiền (tên, địa chỉ, số điện thoại, số tiền vay, ngày vay, lãi suất) để gọi điện yêu cầu khách vay tiền trả tiền lãi theo đúng thời gian. Khi khách vay tiền đến Công ty trả lãi thì ghi chép vào sổ sách, thu tiền gốc, lãi rồi chuyển lại cho P quản lý. Ngoài ra, T còn được giao nhiệm vụ thay mặt P khi P đi vắng để giao dịch với khách về số tiền vay và lãi suất vay (trước khi giao dịch thì T sẽ gọi điện cho P để thống nhất). Huy còn được giao nhiệm vụ thay mặt P khi P, T đi vắng để giao dịch với khách về số tiền vay và lãi suất vay (trước khi giao dịch thì Huy sẽ gọi điện cho P để thống nhất). Nếu P, T, H đều đi vắng thì S chỉ thực hiện việc thu lãi của khách, không thực hiện việc cho vay. Lời khai của P, T, H và S phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập trong quá trình điều tra vụ án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2020/HS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2020 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 05/QĐ-SCBSBA ngày 26/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc đã Quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Hồng P, Lê Hồng T, Phạm Văn S và Phạm Quang H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 201, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Hồng P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 201, điểm g, h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 201, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Hồng T 10 (mười) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Quang H 10 (mười) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn T về án phí, xử lý vật chứng, tài sản bị thu giữ, T quyền kháng cáo của các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/9/2020 các bị cáo Lê Hồng P, Phạm Văn S, Lê Hồng T và Phạm Quang H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Hồng P, Phạm Văn S, Lê Hồng T và Phạm Quang H sửa đổi nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được cải tạo không giam giữ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Hồng P, Phạm Văn S, Lê Hồng T và Phạm Quang H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 201, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Lê Hồng P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 201, điểm g, h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Phạm Văn S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 201, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Lê Hồng T và bị cáo Phạm Quang H mỗi bị cáo 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Các Q định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên không đề nghị xem xét.

Quan điểm bào chữa của Luật sư đối với các bị cáo Lê Hồng P, Phạm Văn S, Lê Hồng T và Phạm Quang H: Nhất trí với tội danh của bản án sơ thẩm đã T đối với các bị cáo vì hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Đối với bị cáo Lê Hồng P: có vai trò đầu vụ nhưng đã nộp 99.000.000đ tiền cho vay lãi nặng khắc phục hậu quả, bị cáo thành khẩn khai báo giúp cơ quan điều tra nhanh chóng làm S tố vụ án, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, bị cáo có mẹ già cần chăm sóc, vợ ly hôn, có nuôi con nhỏ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 36 Bộ luật hình sự giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được cải tạo không giam giữ.

- Đối với bị cáo Phạm Văn S: Bị cáo chỉ là người làm công ăn lương của P, thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, bố bị cáo là tH binh nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, mẹ bị bệnh, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 36 Bộ luật hình sự giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được cải tạo không giam giữ.

- Đối với bị cáo Lê Hồng T và Phạm Quang H: Các bị cáo chỉ là người làm công ăn lương của P, có vai trò thứ yếu, nhân T tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc T hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 36 Bộ luật hình sự giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được cải tạo không giam giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Qua xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung của bản án sơ thẩm. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ ngày 01/01/2018 đến ngày 19/12/2018 Lê Hồng P, Lê Hồng T, Phạm Quang H và Phạm Văn S đã cho 16 người vay tiền với lãi suất cao gồm có anh Nguyễn Văn Q trú tại xã T, huyện V; anh Tạ Thái S trú tại xã H, huyện T; anh Ngô Văn C trú tại xã Y, huyện V; anh Lê Quang C trú tại xã Đ, huyện V; anh L trú tại xã T, huyện V; anh Bùi Mạnh C, chị Nguyễn Thị Thu H đều trú tại xã B, huyện V; anh Lê Thế Q trú tại xã N, huyện V; anh Phan Văn N trú tại xã C, huyện V; anh Đường Văn T trú tại xã L, huyện V; anh Nguyễn Anh D trú tại xã G, thành phố V; anh Nguyễn Quang T trú tại thị trấn T, huyện V; anh Bùi Văn T trú tại xã Đ, huyện V và anh Hà Huy H trú tại xã L, huyện V với tổng số tiền là 199.000.000đ với mức lãi suất là 5.000đ/triệu/ngày tương đương với 182,5%/năm (cao gấp 9,125 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự mà Nhà nước quy định). Anh Nguyễn Đăng Khoa trú tại thị trấn T, huyện Vĩnh Tường vay 40.000.000đ với mức lãi suất là 4.000đ/triệu/ngày tương đương với 146%/năm (cao gấp 7,3 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự mà Nhà nước quy định). Anh Bùi Văn H vay 8.000.000đ với mức lãi suất là 6.000đ/triệu/ngày tương đương với 219%/năm (cao gấp 10,95 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự mà Nhà nước quy định). Tổng số tiền lãi P, T, H và S thu lợi bất chính từ việc cho những người trên vay là 213.060.959 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự là không oan sai. Các bị cáo và người bào chữa cho các bị cáo thừa nhận các bị cáo đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

[3] Xét kháng cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt và được cải tạo không giam giữ của bị cáo Lê Hồng P thì thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét nhân T, vai trò, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, ra đầu thú, tự nguyện khắc phục một phần hậu quả là 99.000.000đ, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhân T xấu năm 2011 đã từng bị Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây tH tích và tội bắt giữ người trái pháp luật” đã được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học mà còn tiếp tục đi vào con đường phạm tội. Tổng số tiền thu lợi bất chính của các lần phạm tội là 213.060.959đ (trong đó P cho anh Khoa, chị H vay đều thu lợi bất chính của mỗi người trên 30.000.000đ), nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù giam là phù hợp, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4] Xét kháng cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt và được cải tạo không giam giữ của bị cáo Phạm Văn S thì thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét nhân T, vai trò, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo là đã thành khẩn khai báo, ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo có nộp giấy tờ chứng minh bố bị cáo là ông Phạm Văn Sơn là thương binh hạng 4/4, như vậy bố bị cáo là người có công với Nhà nước, bị cáo được hưởng thêm một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội xử phạt 26 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chưa được xóa án tích nay lại phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tổng số tiền thu lợi bất chính của các lần phạm tội là 213.060.959đ (trong đó cho anh K, chị H vay thu lợi bất chính của mỗi người trên 30.000.000đ), nên phải chịu thêm tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù giam là phù hợp, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[5] Xét kháng cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt và được cải tạo không giam giữ của bị cáo Lê Hồng T và bị cáo Phạm Quang H thì thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét nhân T, vai trò, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của cả hai bị cáo là đã thành khẩn khai báo, ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51

của Bộ luật hình sự. Bị cáo T và bị cáo H cũng phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt mỗi bị cáo 10 tháng tù là phù hợp. Nay không có tình tiết gì mới nên, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm. Việc người bào chữa đề nghị áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo là không phù hợp bởi theo hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao thì: “Phạm tội lần đầu là từ trước đến nay chưa phạm tội lần nào. Nếu trước đó đã phạm tội và bị kết án, nhưng đã được xóa án tích hoặc chưa bị kết án, nhưng đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa bị kết án, chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nay bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong cùng lần phạm tội sau, thì không được coi là phạm tội lần đầu”. Trong vụ án này các bị cáo cho nhiều người vay lãi nặng và có hai lần đủ yếu tố cấu thành tội phạm và bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong cùng lần phạm tội sau nên không được coi là phạm tội lần đầu.

[6] Các Q định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Quan điểm đề xuất của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp quan điểm của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[8] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Hồng P, Lê Hồng T, Phạm Văn S và Phạm Quang H. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 64/2020/HS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2020 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 05/QĐ-SCBSBA ngày 26/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt: Bị cáo Lê Hồng P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3. Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt: Bị cáo Phạm Văn S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

4. Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt:

- Bị cáo Lê Hồng T 10 (mười) tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Bị cáo Phạm Quang H 10 (mười) tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

5. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng Điều 23 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Lê Hồng P, Lê Hồng T, Phạm Văn S và Phạm Quang H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện Vĩnh Tường;
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Công an huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vĩnh Thành

